

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

---

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

**KHÓA 7**

**NGÀNH**

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**(Business Administration)**

**Mã số: 60 34 0102**

---

VĨNH LONG, 2019

## MỤC LỤC

Trang

<b>Phần I: MỞ ĐẦU .....</b>	<b>3</b>
1. Tính cấp thiết .....	3
2. Căn cứ xây dựng Chương trình đào tạo .....	4
<b>Phần II: NỘI DUNG .....</b>	<b>5</b>
1. Mục tiêu đào tạo.....	5
1.1. Mục tiêu chung .....	5
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
2. Chuẩn đầu ra .....	6
3. Thời gian đào tạo .....	7
4. Khối lượng kiến thức .....	7
5. Đối tượng tuyển sinh.....	7
6. Điều kiện tốt nghiệp.....	9
7. Thang điểm .....	10
8. Nội dung chương trình.....	10
9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần .....	13
10. Danh sách đội ngũ giảng viên.....	21
11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập .....	22
12. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	29

## PHỤ LỤC

- Đề cương chi tiết học phần
- Biên bản Hội thảo CTĐT Ths QTKD tại Đại học Cửu Long.

# Phần I: MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết

Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Cửu Long là một trong những chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp. Với nội dung, phương pháp giảng dạy hiện đại, đề cao tính tương tác thông qua giải quyết tình huống cụ thể phát sinh trong kinh doanh, giúp học viên lĩnh hội nền tảng kiến thức cốt lõi về quản trị, nắm bắt bí quyết làm chủ kỹ năng quản lý, điều hành, tạo tầm nhìn tiếp cận cơ hội kinh doanh hiệu quả.

Do đó, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế luôn là nhu cầu cấp bách. Xây dựng nhân lực chất lượng cao là xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia, có trình độ chuyên môn, có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đề xuất những giải pháp khoa học, xây dựng đội ngũ doanh nhân quản lý doanh nghiệp, có khả năng tổ chức, khả năng cạnh tranh. Đồng thời, đây cũng sẽ là những nhân lực để giảng dạy và đào tạo ra nhân lực là các cử nhân.

Như vậy, xét ở tầm vi mô, ngành Quản trị kinh doanh, trình độ Thạc sĩ là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội, nhu cầu của người học, của thị trường lao động, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

Nguồn nhân lực chất lượng cao luôn được coi là nhân tố quyết định cho sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn nữa, trong thế giới hiện đại, khi chuyển dần sang nền kinh tế chủ yếu dựa trên tri thức và trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng thể hiện vai trò quyết định của nó. Vì vậy, mỗi một cá nhân, mỗi một người học luôn có nhu cầu tự phát triển của bản thân, không ngừng học hỏi, học lên cao để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Như vậy, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là các Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển của đất nước.

## 2. Căn cứ xây dựng CTĐT

- Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10-10-2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT- BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 07/2015/ TT - BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04-4-2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

- Căn cứ nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao của vùng ĐBSCL trong Quản trị doanh nghiệp để phục vụ cho chiến lược phát triển công ty trong thời kỳ hội nhập là rất cần thiết. Đồng thời, việc đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là nhiệm vụ cơ bản của Trường Đại Học Cửu Long trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp nối cho các thế hệ sinh viên đã qua đào tạo đại học tại Trường cũng như là các thế hệ sinh viên của các Trường Đại học khác.

- Căn cứ các chương trình đào tạo thạc sĩ của các cơ sở đào tạo khác mà tổ rà soát chương trình đã tham khảo:

- CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, <http://sdh.neu.edu.vn>

- CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, <https://sdh.ueh.edu.vn>

- CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ, <https://www.ctu.edu.vn>

## Phần II: NỘI DUNG

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

**Tên chương trình:** QUẢN TRỊ KINH DOANH (Business Administration)

**Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**Ngành đào tạo:** QUẢN TRỊ KINH DOANH

**Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung

**Mã ngành:** 8340101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ – DCL, ngày... tháng... năm 201... của Hiệu trưởng trường Đại học Cửu Long)*

#### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

##### 1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thiết kế đảm bảo khối lượng kiến thức phục vụ cho yêu cầu công việc của nhà quản trị. Chương trình được thực hiện qua phương pháp đào tạo có tính thực tế, định lượng, kết hợp mô phỏng giải quyết tình huống quản trị để xử lý, giải quyết những công việc của nhà quản trị kinh doanh, nhà quản lý. Chương trình còn hướng đến trang bị cho học viên cách phân tích và năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng phân tích, tổng hợp nhằm hoạch định và triển khai có hiệu quả các chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hội nhập ngày càng sâu rộng vào môi trường quốc tế. Cụ thể chương trình đào tạo hướng các học viên tiếp cận thực tiễn ĐBSCL về quản trị doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu lương thực - thủy sản trong điều kiện gia nhập kinh tế quốc tế và thay đổi khí hậu trong vùng.

##### 1.2 Mục tiêu cụ thể

a. Xây dựng nền tảng vững chắc về nguyên lý, công cụ, phương pháp để xác lập cơ sở khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh cho học viên có dự định học tiếp lên trình độ Tiến sĩ.

b. Phát triển cho người học năng lực tư duy, hoạt động độc lập và năng lực phối hợp hoạt động theo nhóm, có phong cách làm việc chuyên nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại.

c. Rèn luyện cho người học có tầm nhìn sâu rộng và có kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

d. Xây dựng cho người học có tinh thần đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **Kiến thức:**

Sau khi tốt nghiệp cao học, một thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh có các kiến thức nâng cao như sau:

- Trang bị kiến thức về điều hành và quản lý các công việc liên quan đến công việc sản xuất – kinh doanh ở các tổ chức kinh doanh và thực hiện giải quyết các vấn đề cụ thể của nhà quản trị kinh doanh, nhà quản lý.

- Trang bị đủ kiến thức chuyên môn về quản lý, lãnh đạo và quản trị kinh doanh, marketing, có khả năng đáp ứng các yêu cầu cao hơn trong công việc như điều hành, quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp.

- Trang bị cho các học viên những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh hiện đại, cách thức xây dựng chiến lược phát triển cho tổ chức. Cung cấp cho học viên các chỉ dẫn về cách thức vận dụng những kiến thức đó trong thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh.

### **Kỹ năng:**

- Xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của tổ chức, trên cơ sở đã thông thạo sử dụng phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp các cơ hội, đe dọa của môi trường kinh doanh; phân tích, đánh giá, tổng hợp các điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp, từ đó biết cách hoạch định và quản lý việc thực hiện chiến lược, kế hoạch và giải quyết các phát sinh trong quá trình vận hành doanh nghiệp, tổ chức để phát triển doanh nghiệp, tổ chức.

- Thực thi được các chức năng của nhà quản trị để quản trị doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

- Sử dụng được các công cụ phân tích định lượng trong kinh doanh.

- Nắm được Luật kinh doanh trong nước và quốc tế trong điều kiện nền kinh tế thị trường; môi trường kinh doanh, thị trường và phát triển thị trường, quản trị mua hàng và quản trị dự trữ hàng hóa... ở các doanh nghiệp.

**Thái độ:**

- Năng động, sáng tạo, cầu tiến, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.
- Có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và đạo đức nghề nghiệp.
- Có phương pháp làm việc khoa học, có kỹ năng tư duy, phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tế.

**3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2 năm (4 học kỳ)**

**4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 60 tín chỉ**

4.1 Kiến thức chung	02 tín chỉ
4.2 Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	38 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc	28 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn	10 tín chỉ
4.4 Luận văn tốt nghiệp	10 tín chỉ

**5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

**5.1 Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển vào học chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh phải thỏa mãn các điều kiện của đối tượng đào tạo như sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc không chính quy ngành *Quản trị kinh doanh* hoặc ngành *Kinh tế* có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về *Quản trị kinh doanh*.

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành gần với ngành Quản trị Kinh doanh (khác nhau về chương trình dưới 40%): như ngành Tài chính ngân hàng, ngành Kế toán, ngành Kinh tế đối ngoại... Các học viên ngành gần phải học bổ túc kiến thức để có đủ kiến thức cơ sở ngành.

- Được cơ quan đồng ý cử đi học (nếu là CB-CNV hay giáo viên).

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo qui định số 10/TT-LB ngày 18/08/2003 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Và các điều kiện dự tuyển khác theo quyết định Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ban hành ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 5.2 Môn học bổ túc kiến thức

Trường Đại học Cửu Long sẽ căn cứ vào các học phần trong bảng điểm của người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị Kinh doanh đã nêu trên để yêu cầu người học bổ sung các môn học cần thiết.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành *Kinh tế* nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về *Quản trị kinh doanh* được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ)

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Quản trị học (3 tín chỉ)
- + Quản trị doanh nghiệp (3 tín chỉ)
- + Marketing căn bản (3 tín chỉ)

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành khác thuộc nhóm ngành *Kinh tế* được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn (27 tín chỉ).

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Quản trị học (3 tín chỉ)
- + Quản trị doanh nghiệp (3 tín chỉ)
- + Marketing căn bản (3 tín chỉ)
- + Nguyên lý Kế toán (3 tín chỉ)
- + Quản trị tài chính (3 tín chỉ)
- + Quản trị Nguồn nhân lực (3 tín chỉ)
- + Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành: *Toán, Toán tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Hướng dẫn viên du lịch, Tiếng anh thương mại và các ngành Kỹ thuật* được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 12 môn (34 tín chỉ).

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)



- + Quản trị học (3 tín chỉ)
- + Quản trị doanh nghiệp (3 tín chỉ)
- + Marketing căn bản (3 tín chỉ)
- + Nguyên lý Kế toán (3 tín chỉ)
- + Quản trị tài chính (3 tín chỉ)
- + Quản trị Nguồn nhân lực (3 tín chỉ)
- + Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)
- + Quản trị sản xuất và vận hành (2 tín chỉ)
- + Quản trị chất lượng (2 tín chỉ)
- + Tiền tệ - ngân hàng (3 tín chỉ)

### 5.3 Các môn thi tuyển

- Theo điều 8, chương 3, Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT về qui chế đào tạo trình độ thạc sĩ thì học viên muốn vào học thạc sĩ Quản trị kinh doanh phải thi tuyển 3 môn như sau:

- + **Môn điều kiện:** ôn thi Ngoại ngữ hoặc chứng chỉ ngoại ngữ B.
- + **Môn cơ bản:** Toán kinh tế (Xác suất - thống kê và Toán cao cấp)
- + **Môn cơ sở ngành:** Kinh tế học.

- Những thí sinh có một trong các điều kiện sau đây sẽ được miễn môn Ngoại ngữ:

+ Có bằng đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở nước ngoài mà ngôn ngữ đã sử dụng trong học tập là một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung.

+ Có chứng chỉ IELTS 5.0; TOEFL quốc tế 400 trở lên trong thời hạn 1 năm kể từ ngày dự thi lấy chứng chỉ đến ngày dự thi sau đại học.

+ Tốt nghiệp đại học hệ chính quy chuyên ngành Ngoại ngữ (thuộc một trong năm thứ tiếng trên).

+ Có chứng chỉ công nhận trình độ ngoại ngữ dự tuyển đào tạo sau đại học ở trường Đại học Cửu Long (trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi).

## 6. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Học viên đã tích lũy đủ số tín chỉ trong thời gian qui định ghi trong chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh, bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp và đáp ứng được các điều kiện tốt nghiệp bậc thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 10/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và

Đào tạo sẽ được cấp bằng: **THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (MASTER OF BUSINESS ADMINISTRATION).**

**7. Thang điểm:** Điểm 10, đổi thành điểm chữ A, B, C, D, E, F và điểm hệ số 4, 3, 2, 1, 0 theo tín chỉ. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
<b>CHỮ</b>	<b>SỐ</b>	<b>Phần kiến thức chung</b>	<b>2</b>	<b>chiếm (04%)</b>	
QDTH	501	Triết học	2	1	1
		Ngoại ngữ trình độ (Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Thông tư 10/2011/TT-BGDĐT)			
		<b>Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>38</b>	<b>chiếm (76%)</b>	
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>28</b>	<b>chiếm (56%)</b>	
QDPN	502	Phương pháp luận nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
QDHT	503	Hành vi tổ chức	2	1	1
QDCL	504	Quản trị chiến lược	3	2	1
QDKL	505	Kinh tế học quản lý kinh doanh	3	2	1
QDQV	506	Quản trị vận hành	3	2	1
QDQN	507	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
QDQC	508	Quản trị chất lượng	3	2	1
QDTĐ	509	Thay đổi và phát triển tổ chức	3	2	1
QDTC	510	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	2	1
QDQK	511	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2	1
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>10</b>	<b>chiếm (20%)</b>	
QDDK	512	Đạo đức trong kinh doanh	2	1	1
QDCM	513	Nghiên cứu Marketing	2	1	1
QDLQ	514	Luật kinh doanh quốc tế	2	1	1
QDPL	515	Phân tích định lượng trong kinh doanh	2	1	1
QDCN	516	Quản trị công nghệ	2	1	1
QDKQ	517	Kế toán quản trị	2	1	1

MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
QDQT	518	Quản trị Thay đổi	2	1	1
QDQR	519	Quản trị rủi ro	2	1	1
QDNL	520	Nghệ thuật lãnh đạo	2	1	1
QDQM	521	Quản trị marketing	2	1	1
QDQA	522	Quản trị dự án	2	1	1
QDQX	523	Quản trị sản xuất	2	1	1
QDQU	524	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistic	2	1	1
QDQH	525	Quản trị thương hiệu	2	1	1
QDSM	526	Tái cấu trúc, sáp nhập và mua lại công ty	2	1	1
		<b>Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>chiếm (20%)</b>	
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50 C</b>		

## 7. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

ST T	Tên môn học	Số TC	Tổng số giờ			Người giảng dạy	HK
				LT	BT		
<b>Môn bắt buộc (30TC)</b>							
1	Triết học	2	30	15	15	TS. Nguyễn Tiến Thủ	I
2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	30	15	15	PGS.TS. Trần Lộc Hùng	I
3	Hành vi Tổ chức	2	30	15	15	TS. Phan Hữu Phúc	I
4	Quản trị Chiến lược	3	45	30	15	TS. Phan Hữu Phúc	II
5	Kinh tế học quản lý kinh doanh	3	45	30	15	PGS. TS. Đỗ Phú Trần Tình	I
6	Quản trị vận hành	3	45	30	15	TS. Đinh công Khải	I
7	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	30	15	TS. Võ Hùng Dũng	II
8	Quản trị chất lượng	3	45	30	15	TS. Bùi Văn Sáu	II
9	Thay đổi và phát triển tổ chức	3	45	30	15	TS. Nguyễn Hữu Lam	II

10	Quản trị Tài chính doanh nghiệp	3	45	30	15	PGS.TS. Trương Đông Lộc	III
11	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	30	15	TS. Nguyễn Phú Sơn	III
<b>Môn tự chọn (10 TC)</b>							
1	Đạo đức trong kinh doanh	2	30	15	15	PGS.TS. Võ Thành Danh TS. Phan Đình Quyền	III
2	Nghiên cứu Marketing	2	30	15	15	TS. Lưu Thanh Đức Hải	III
3	Luật kinh doanh quốc tế	2	30	15	15	TS. Lê Văn Hưng	
4	Phân tích định lượng trong kinh doanh	2	30	15	15	TSKH. Trần Trọng Khuê	I
5	Quản trị công nghệ	2	30	15	15	TS. Vũ Thị Minh Hiền	
6	Kế toán quản trị	2	30	15	15	TS. Bùi Văn Trịnh	III
7	Quản trị thay đổi	2	30	15	15	PGS TS. Mai Văn Nam	III
8	Quản trị rủi ro	2	30	15	15	TS. Ngô Quang Huân	III
9	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	15	TS. Nguyễn Hữu Lam	
10	Quản trị marketing	2	30	15	15	TS. Lưu Tiến Thuận	II
11	Quản trị dự án	2	30	15	15	TS. Mai Văn nam	II
12	Quản trị sản xuất	2	30	15	15	TS. Ngô Mỹ Trân	II

13	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistic	2	30	15	15	GS. TS. Võ Thị Thanh Thu	
14	Quản trị thương hiệu	2	30	15	15	TS. Phạm Thị Thu Phương	
15	Tái cấu trúc sáp nhập và mua lại công ty	2	30	15	15	PGS-TS. Bùi Văn Trịnh	
	<b>Luận văn Thạc sĩ</b>	<b>10</b>	<b>150</b>		<b>150</b>		

## 8. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

### Triết học

2 TC

Học phần học trước: Không

- Ở bậc học thạc sĩ, học viên sẽ được học các chương chuyên sâu; những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng bằng việc chỉ ra nội dung cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong lịch sử. Sử dụng phương pháp nghiên cứu phổ biến, tức là phương pháp biện chứng duy vật. Đó là hệ thống lý luận được hình thành trên cơ sở các nguyên lý, qui luật và phạm trù của phép biện chứng duy vật. Phương pháp này đòi hỏi tính khách quan của sự xem xét, tính toàn diện, nguyên tắc phát triển, tính thống nhất giữa lô-gic và lịch sử.

### Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh

2 TC

Học phần học trước: Không

Phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, hướng dẫn học viên cách thức viết đề cương và báo cáo kết quả nghiên cứu, hiểu rõ bản chất và các bước tiến hành nghiên cứu. Học phần nghiên cứu các đặc điểm cơ bản của lịch sử phát triển khoa học, các xu thế phát triển chủ yếu của khoa học và công nghệ hiện đại, nội dung cơ bản của nghiên cứu khoa học, các phương pháp thường sử dụng trong các nghiên cứu về xã hội, trình tự nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp chủ đạo của học phần là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử với những nguyên tắc, quan điểm được vận dụng cho từng chương, từng phần cụ thể.

### Kinh tế học quản lý

3 TC

Học phần học trước: Không

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó, học viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo. Giới thiệu một số khái niệm cơ bản về Kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn.

### **Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức về phân tích thống kê áp dụng trong phân tích kinh doanh cũng như phân tích kinh tế. Các phương pháp phân tích thống kê nâng cao như phân tích nhân tố, phân tích tương ứng và phân tích phân biệt cũng được đưa vào môn học nhằm trang bị cho người học những công cụ phân tích hiệu quả trong phân tích định lượng liên quan đến phân tích thị trường, quản trị và phân tích kinh tế.

### **Quản trị nguồn nhân lực quốc tế**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

Học phần Quản trị nguồn nhân lực nâng cao sẽ giúp học viên hiểu được những kiến thức chuyên sâu và những kỹ năng để quản trị nguồn nhân lực. Học viên có thể tuyển dụng nhân viên mới; đào tạo, phát triển, đánh giá kết quả làm việc và trả công cho người lao động; và duy trì một môi trường làm việc tốt cho người lao động và việc tăng năng suất lao động của công ty. Với hiểu biết đầy đủ về quản trị nguồn nhân lực, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực khác trong một tổ chức.

### **Quản trị Marketing toàn cầu**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về hoạt động marketing trên thị trường toàn cầu, trên cơ sở đó phân tích và lựa chọn chiến lược cũng như lập kế hoạch marketing phù hợp cho doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Hiểu và phân biệt các khái niệm kinh doanh quốc tế, toàn cầu hóa, chiến lược kinh doanh quốc tế. Những kiến thức cơ bản về marketing quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Hiểu được các khái niệm cũng như các thuật ngữ trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Nhận biết các phương thức thâm nhập thị trường thế giới của các công ty đa quốc gia, công ty toàn cầu. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức khoa học và kinh nghiệm thực tế về marketing quốc tế. Phân tích, đánh giá môi trường marketing quốc tế để lựa chọn quốc gia đầu tư. Xác định các phương thức thâm nhập thị trường thế giới. Hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược marketing quốc tế.

### **Quản trị chiến lược trong kinh doanh**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: Hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế các kiến thức căn bản về quản trị nói chung và kiến thức chuyên sâu trong quản lý doanh nghiệp nói riêng. Xây dựng và phân tích, đánh giá được các chiến lược, kế hoạch bán hàng, marketing, quản trị nhân sự,... cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### **Quản trị đổi mới và sáng tạo**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần bao hàm các kiến thức về Quản trị đổi mới và sáng tạo, nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức Cơ bản về khái niệm đổi mới, sáng tạo và các mô hình đổi mới trong kinh doanh. Học phần bao gồm những chủ đề chính có liên quan đến quản trị quá trình đổi mới sáng tạo cũng như chuyển giao sự đổi mới. Phương pháp giảng dạy

được áp dụng trong môn học là sự kết hợp giữa báo cáo chuyên đề/thảo luận tình huống (case study) trên lớp, bài tập cá nhân và nhóm.

### **Quản trị chuỗi cung ứng**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Quản trị chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp học viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

### **Chuyên đề Quản trị dự án**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Chuyên đề giúp cho học viên phân biệt được các dự án, thẩm định và quản trị dự án phát triển, xác định dòng đời của dự án phát triển, phân tích xác định cấu trúc của dự án phát triển, phân tích được tính khả thi, khả năng tài chính và tài trợ. Học viên có khả năng phân tích, đưa ra ý tưởng, lên kế hoạch và quản lý các hoạt động trong việc xây dựng được các dự án kinh doanh. Học phần sẽ trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về dự án kinh doanh và hoạt động quản trị dự án kinh doanh. Trình tự các bước cũng như nội dung liên quan đến dự án, bên cạnh đó học phần cũng trang bị những kiến thức liên quan đến nghiên cứu tài chính và nghiên cứu kinh tế xã hội, môi trường của dự án kinh doanh.

### **Chuyên đề Quản trị sản xuất và tác nghiệp**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Sản xuất là một hoạt động luôn biến đổi một cách nhanh chóng nhằm ngày càng đáp ứng nhiều hơn ngày càng rất đa dạng của thị trường. Sự thay đổi của các công nghệ sản xuất, việc áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin, thành tựu của cơ khí hóa, tự động hóa đã ảnh hưởng rất lớn đến phong cách quản lý của doanh nghiệp sản xuất. Các doanh nghiệp cũng cần phải tính toán lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng, mua sắm vật tư, kiểm tra kiểm soát tồn kho, lập tiến độ sản xuất,... Bất kể doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm đơn giản hay phức tạp. Mục tiêu của môn học này nhằm giới thiệu học viên nắm những vấn đề cơ bản và những tình huống cụ thể phải giải quyết



trong quá trình quản trị sản xuất. Thêm vào đó, học phần sẽ đi sâu hướng dẫn cho học viên cách quản trị kết quả của một dự án sản xuất. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn cho học viên cách phân tích, đánh giá và hoạch định năng lực doanh nghiệp, dựa trên những kiến thức về quản trị năng lực trong vận hành và chuỗi cung ứng.

### **Quản trị thương hiệu nâng cao**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực quản trị thương hiệu, giúp học viên làm quen với các khái niệm, các thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về ngành quản trị thương hiệu. Sau khi học môn này học viên sẽ: nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu; nắm được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu (tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu); hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực thương hiệu.

### **Quản trị sự thay đổi nâng cao**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần này cung cấp và trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về thay đổi và phát triển trong tổ chức. Các nội dung chính của học phần gồm tổng quan về thay đổi và phát triển, các bước tiến hành thay đổi, quản trị sự thay đổi để chủ động phát triển, tái lập – con đường thay đổi để phát triển các doanh nghiệp, tạo ra sự liên tục thay đổi để phát triển. Nội dung ở chương 1 sẽ tập trung khái quát về sự thay đổi và phát triển, phân biệt các quan điểm phát triển. Nội dung ở chương 2 sẽ giới thiệu các bước tiến hành thay đổi doanh nghiệp. Nội dung ở chương 3 sẽ tập trung nhận diện các nhân tố tác động đến thay đổi và lập kế hoạch thay đổi. Nội dung chương 4 sẽ giới thiệu các đặc trưng và kỹ năng tái lập doanh nghiệp. Nội dung chương 5 sẽ làm rõ các đặc trưng cơ bản của người lãnh đạo liên tục thay đổi.

### **Quản trị tài chính nâng cao**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Phân tích các báo cáo tài chính. Giá trị thời gian của tiền tệ. Định giá sản phẩm tài chính. Phân tích tài chính dự án, lợi nhuận và rủi ro. Chi phí sử dụng vốn. Hệ thống tài chính trong doanh nghiệp được ví như hệ thống tuần hoàn máu trong cơ thể nuôi tất cả các bộ phận và toàn thể. Tài chính có thể nằm dưới dạng tiền, vật tư, nguyên liệu, tài sản

phát sinh lúc hình thành nguồn vốn hoặc trong quá trình hoạt động như các khoản phải thu, phải trả. Lập kế hoạch tài chính là dùng một số giả định như dự báo doanh thu, chi phí... và các báo cáo tài chính (dòng tiền, bảng cân đối, thu nhập...) vài năm trước đó để đưa ra các báo cáo tài chính trong tương lai nhằm vào các mục tiêu và ưu tiên của doanh nghiệp. Nhưng tình hình thực tế thay đổi rất nhanh nên để có phản ứng linh hoạt hơn ta có thể lập mô hình tài chính.

### **Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Nội dung học phần sẽ trang bị cho học viên bao gồm những kiến thức căn bản về kinh tế quốc dân và toàn cầu hóa, nền tảng lý thuyết lợi thế so sánh, công cụ chính sách ngoại thương và rào cản ngoại thương của các quốc gia đang và đã phát triển, các thỏa thuận về thương mại quốc tế và mậu dịch tự do. Xa hơn, người học còn được thực hành đánh giá và phân tích các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới về lợi thế so sánh ở nhiều cấp độ khác nhau như quốc gia, ngành, doanh nghiệp. Các liên kết kinh tế quốc tế và tác động của nó đến nền kinh tế của các quốc gia có giao thương.

### **Sáp nhập và mua lại công ty**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện sáp nhập và mua lại công ty để đáp ứng nhu cầu mới và liên tục phát triển thị trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức quản trị công ty hậu sáp nhập và mua lại sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Có ý thức tự chủ, có trách nhiệm và đạo đức kinh doanh. Từ đó, rèn luyện tác phong nghiêm túc, chuyên nghiệp, tin cậy và năng động của chuyên viên thực hiện hoạt động mua lại và sáp nhập.

### **Quản trị chất lượng sản phẩm nâng cao**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần nhằm giới thiệu cho học viên những vấn đề sau: các khái niệm cơ bản xoay quanh chất lượng sản phẩm cũng như công việc nói chung; các công cụ quản lý chất lượng; các hệ thống quản lý chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay trong các doanh nghiệp. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về các khái niệm chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng; các phương pháp đo lường chất lượng; các mô hình quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và hệ thống quản lý chất lượng trong nền kinh tế thị trường.

**Kiểm soát quản trị công ty****2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần nhằm trang bị các học viên những nền tảng vững chắc trong lĩnh vực kiểm soát quản trị công ty, những lĩnh vực nghiên cứu chính, phát triển học viên khả năng phản biện, xác định được hướng nghiên cứu mới và khả năng tự tiến hành một nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực kiểm soát quản trị công ty. Đồng thời, học xong học phần này, học viên có thể thực hiện tư vấn cho các doanh nghiệp nhằm tăng cường hiệu quả quản trị công ty.

**Đạo đức trong kinh doanh****2 TC**

Học phần học trước: Không

Môn học tập trung vào việc xây dựng nền tảng đạo đức, trách nhiệm xã hội và nhận dạng các vấn đề đạo đức trong những nền kinh tế mới nổi liên quan đến kế toán, tài chính, quản trị nhân lực, marketing, quảng cáo, môi trường và quyền sở hữu trí tuệ trong thời kỳ hội nhập của Việt Nam và toàn cầu hóa. Môn học giúp học viên hiểu được những kiến thức cơ bản các nguyên tắc đạo đức và lý thuyết cơ bản, với tư cách thành viên của xã hội hay với tư cách của một người lao động biết mình phải làm gì khi ra quyết định liên quan đến học tập cũng như công việc. Ngoài ra, môn học còn giúp học viên hiểu được những kiến thức cơ bản qua những tình huống thực tế, qua những trao đổi, thảo luận liên quan đến đạo đức kinh doanh nhằm tìm ra các giải pháp tốt nhất.

**Hành vi tổ chức nâng cao****2 TC**

Học phần học trước: Không

Nội dung tập vào ba khía cạnh quan trọng của hành vi tổ chức. Đó là hành vi cá nhân, hành vi nhóm và hành vi tổ chức. Các nội dung về hành vi cá nhân sẽ bao gồm cơ sở hành vi cá nhân, giá trị, thái độ và hài lòng công việc, nhận thức và ra quyết định cá nhân và các yếu tố liên quan đến động viên người lao động. Về hành vi nhóm, sẽ tập trung vào cơ sở hành vi nhóm, truyền thông và lãnh đạo trong nhóm, quyền lực và mâu thuẫn trong nhóm. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến các vấn đề liên quan đến tổ chức như cơ cấu và văn hóa tổ chức.

**Quản trị rủi ro nâng cao****2 TC**

Học phần học trước: Không

Môn học Quản trị rủi ro được thiết kế như là môn học chuyên ngành cho Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QTKD. Môn học này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng

ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh vào quản lý rủi ro tài chính cho doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Môn học này trang bị cho học viên những kiến thức về các vấn đề sau đây: Nhận dạng các loại rủi ro tài chính phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp và của ngân hàng thương mại, ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh nói chung và các công cụ tài chính phái sinh trên thị trường ngoại hối nói riêng để quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đối với các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Ngoài ra, còn cung cấp cho học viên bức tranh chung về thực trạng quản lý rủi ro tỷ giá, với những khó khăn và giải pháp khắc phục phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

### **Thống kê và dự báo trong kinh doanh**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Học phần giới thiệu kiến thức về thống kê và dự báo, vai trò của thống kê và kinh tế lượng trong công tác và dự báo. Nội dung chính của học phần tập trung phân tích các kỹ thuật dự báo cơ bản phục vụ cho công tác dự báo trong kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô. Học viên được học lý thuyết và thực hành trên phần mềm STATA các mô hình dự báo đơn biến bao gồm giản đơn và nâng cao và mô hình dự báo đa biến. Học viên được rèn luyện kỹ năng thực hiện công tác thống kê và dự báo trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **Quản trị kinh doanh quốc tế**

**2 TC**

Học phần học trước: Không

Môn học trang bị cho học viên kiến thức quản lý chiến lược và quản lý tổ chức có hiệu quả trong môi trường siêu cạnh tranh năng động trên toàn cầu, quản lý xuyên quốc gia với sự khác biệt và đa dạng về văn hóa và nhân lực toàn cầu. Trang bị cho học viên kỹ năng quản lý, hoạch định và thực thi chiến lược kinh doanh trên thị trường toàn cầu nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng về mặt công nghệ, thương mại điện tử và các phương tiện truyền thông trong môi trường.

### **Luận văn tốt nghiệp**

**10TC**

Học viên làm các đề tài luận văn tốt nghiệp liên quan đến ngành học của mình, nhằm giúp củng cố lại kiến thức và học viên có thể tự nghiên cứu độc lập hay nghiên cứu nhóm để chuẩn bị các kỹ năng khi chính thức bước vào nhận việc tại các đơn vị liên quan. Kết hợp sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho cá nhân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy

trình nghiên cứu phù hợp, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học, thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại buổi bảo vệ luận văn trước Hội đồng đánh giá.

## 10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN:

### 10.1 Giảng viên cơ hữu:

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	HỌC HÀM/HỌC VỊ	CHUYÊN MÔN	HỌC PHẦN PHỤ TRÁCH
1	Trần Lộc Hùng	1949	Phó GS-Tiến sĩ, Nga, 1992	Quản lý kinh tế	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
2	Phương Ngọc Thạch	1942	Tiến sĩ, Nga, 1979	Kinh tế	Quản trị chất lượng Quản trị vận hành
3	Trần Hữu Hiệp	1964	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	KD và Quản lý	Quản trị kinh doanh quốc tế Luật kinh doanh QT
4	Vũ Thị Minh Hiền	1954	Tiến sĩ, Việt Nam, 1991	Kinh tế thương mại	Quản trị sự thay đổi Quản trị công nghệ
5	Đặng Danh Lợi	1962	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh tế	Quản trị nguồn nhân lực Hành vi tổ chức
6	Đông Thị Thanh Phương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ, CHDC Đức, 1982	Quản trị kinh doanh	Quản trị Marketing Quản trị sản xuất
7	Đặng Văn Phan	1942	Tiến sĩ, Nga 1976	Địa lý Kinh tế	Quản trị chiến lược trong kinh doanh Quản trị dự án
8	Phạm Thị Thu Phương	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2000	Kinh tế	Nghệ thuật lãnh đạo Quản trị thương hiệu
9	Nguyễn Tiến Thủ	1952	Tiến sĩ, Việt Nam, 2002	Triết học	Triết học
10	Phan Văn Sâm	1952	Tiến sĩ, Hoa Kỳ, 2002	Tiếng Anh	Tiếng Anh

## 10.2 Giảng viên mời giảng:

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	HỌC HÀM/HỌC VỊ	CHUYÊN MÔN	HỌC PHẦN PHỤ TRÁCH
1	Lưu Thanh Đức Hải	1964	PGS-TS	Quản trị kinh doanh	Quản trị marketing Nghiên cứu marketing
2	Mai Văn Nam	1964	PGS-TS	Kinh tế nông nghiệp	Quản trị dự án Quản trị chuỗi cung ứng và Logistic
3	Trương Đông Lộc	1972	PGS-TS	Kinh tế tài chính	Quản trị tài chính doanh nghiệp
4	Phan Hữu Phúc	1957	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị chiến lược Đạo đức trong kinh doanh
5	Đỗ Phú Trần Tình	1979	PGS-TS	Kinh tế	Kinh tế học quản lý trong kinh doanh
6	Ngô Mỹ Trân	1980	Tiến sĩ	Kinh tế ứng dụng	Quản trị vận hành Quản trị sản xuất
7	Lưu Tiến Thuận	1973	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị marketing
8	Trần Trọng Khuê	1952	TSKH	Kinh tế	Phân tích định lượng trong kinh doanh
9	Ngô Quang Huân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị rủi ro
10	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS-TS	Kinh tế	Kinh tế học quản lý
11	Bùi Văn Trịnh	1957	Phó GS-Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế lao động	Kế toán quản trị Tái cấu trúc, sáp nhập và mua lại công ty

## 11. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

### 11.1 Thiết bị phục vụ đào tạo:

Ngoài trang thiết bị chung của trường dành cho đào tạo bậc đại học, khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Cửu Long còn có đủ trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho

đào tạo sau đại học chuyên ngành Quản trị Kinh doanh. Hiện nay, khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Cửu Long đã có các phòng trang thiết bị sau:

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
1	Phòng thực hành máy tính số 01			Các học phần	
1.1	Máy vi tính, Pentium IV	VN/ 2006	31		
1.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2006	1		
1.3	Swieth, Dlink	TQ/ 2006	2		
1.4	UPS, Santax	VN/ 2006	1		
1.5	Máy lạnh, Panasonic	VN/ 2006	2		
2.	Phòng máy tính số 02			Các học phần	
2.1	Máy vi tính , Pentium M	VN/ 2009	31		
2.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2009	1		
2.3	Swieth Dlink	TQ/ 2009	2		
2.4	Máy lạnh National	VN/ 2009	2		
3.	Phòng máy tính số 08			Các học phần	
3.1	Máy vi tính, Pentium IV	VN/ 2006	31		
3.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2006	1		
3.3	Swieth, Dlink	TQ/ 2006	2		
3.4	UPS, Santax	VN/ 2006	1		
3.5	Máy lạnh, Panasonic	VN/ 2006	2		
4.	Phòng máy tính số 09			Các học phần	
4.1	Máy vi tính, Pentium IV	VN/ 2006	31		
4.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2006	1		
4.3	Swieth, Dlink	TQ/ 2006	2		
4.4	UPS, Santax	VN/ 2006	1		
4.5	Máy lạnh, Panasonic	VN/ 2006	2		
5.	Phòng máy tính TV 01			Các học phần	
5.1	Máy vi tính Intel Core 2	VN/ 2012	30		
5.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
5.3	Swieth, Linksys 24 Port	TQ/ 2012	2		
5.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
6.	Phòng máy tính TV 02			Các học phần	
6.1	Máy vi tính Intel Core 2	VN/ 2012	30		
6.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
6.3	Swieth, Linksys 24 Port	TQ/ 2012	2		
6.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
7.	Phòng máy tính SDH 01			Các học phần	
7.1	Máy vi tính Intel Core i3	VN/ 2012	31		
7.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
7.3	Swieth 16 Port Linksys	TQ/ 2012	3		
7.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
7.5	Ổn áp Lioa	VN/ 2012	1		

8.	Phòng máy tính SDH 02				
8.1	Máy vi tính Dell Core i5	Malaysia/2014	31	Các học phần	
8.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2014	1		
8.3	Swieth Cisco	TQ/ 2014	2		
8.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2014	2		
9.	Phòng thực hành MPDN 01			Các học phần	
9.1	Máy vi tính Intel Pentium	VN/ 2010	31		
9.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2010	1		
9.3	Swieth	TQ/ 2010	2		
9.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2010	2		
9.5	Ổn áp LIOA	VN/ 2010	1		
10.	Phòng thực hành MPDN 02			Các học phần	
10.1	Máy vi tính Intel Pentium	VN/ 2012	31		
10.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
10.3	Swieth D- Link	TQ/ 2012	2		
10.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
10.5	Ổn áp Lioa 10 Kva	VN/ 2012	1		
10.6	UPS Santak	VN/ 2012	1		
11.	Phòng LAB 01			Các học phần	
11.1	Bộ chia hình VGA	Đức/ 2007	1		
11.2	Casette giáo viên chuyên dụng	Nhật/ 2007	1		
11.3	Hệ thống Ampli của học sinh	Nhật/ 2007	40		
11.4	Hệ thống giáo viên	Nhật/ 2007	1		
11.5	Loa	VN/ 2007	2		
11.6	Máy chiếu+ màn chiếu	TQ/ 2007	1		
11.7	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2007	3		
11.8	Máy vi tính CRT 17"	VN/ 2007	1		
11.9	Màn hình 15"	VN/ 2007	20		
11.10	Ổn áp Lioa 3Kva	VN/ 2007	1		
12.	Phòng LAB 02			Các học phần	
12.1	Máy vi tính coie i5	Malaysia/2014	41		
12.2	Máy lạnh Panasonic	2014	3		
12.3	Máy chiếu Projector	TQ/ 2018	1	Các học phần	
12.4	Ổn áp Lioa 30 Kva	VN/ 2008	1		
12.5	Swieth Cisco	Đức/ 2014	2		
12.6	Tai nghe+ Web cam	TQ/ 2014	41		

### 11.2 Thư viện Trường:

Phòng đọc với sức chứa khoảng 100 học viên, được trang bị đầy đủ máy lạnh, mạng internet và các trang thiết bị khác đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu của học viên.



Phòng tra cứu thông tin (01 phòng) được trang bị với 12 bộ máy tính tốc độ cao và các trang thiết bị hiện đại khác phục vụ tốt nhu cầu tra cứu thông tin của học viên.

STT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước và Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Incoterms ® 2010 (song ngữ Việt - Anh): những qui định pháp luật mới nhất về xuất nhập khẩu và hải quan Luật trọng tài thương mại	VN, 2010	1	Sách tham khảo
2	Bài tập và bài giải quản trị vận hành hiện đại (quản trị sản xuất và dịch vụ) (tình huống thực hành ứng dụng của các công ty Việt Nam)	VN, 2015	1	Sách tham khảo
3	Bán hàng trong nền kinh tế ngày nay	VN, 2013	1	Sách tham khảo
4	Bất ổn kinh tế vĩ mô ở Việt Nam (sách chuyên khảo)	VN, 2013	1	Sách tham khảo
5	Bẫy thu nhập trung bình - bài học cho Việt Nam (sách tham khảo)	VN, 2014	1	Sách tham khảo
6	Các giải pháp để hoàn thiện thể chế thúc đẩy...	VN, 2013	5	Sách tham khảo
7	Các khu dịch vụ du lịch biển, đảo vùng ven biển nước ta và chiến lược phát triển bền vững đến năm 2020	VN, 2014	1	Sách tham khảo
8	Các Nghiệp vụ NHTM trong nền Kinh tế toàn cầu	VN, 2012	3	Sách tham khảo
9	Các nước và một số lãnh thổ trên thế giới	VN, 2016	1	Sách tham khảo
10	Chiến lược cạnh tranh	VN, 2012	2	Sách tham khảo
11	Công bằng trong phân phối cơ sở để phát triển bền vững	VN, 2012	5	Sách tham khảo
12	Đại cương về chính sách công (Sách chuyên khảo)	VN, 2013	5	Sách tham khảo
13	Đầu Tư Quốc Tế	VN, 2013	8	Sách tham khảo
14	Đầu Tư Vào Vàng (Tái bản năm 2013)	VN, 2013	3	Sách tham khảo
15	Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay	VN, 2013	1	Sách tham khảo
16	Giáo trình hành vi người tiêu dùng	VN, 2014	1	Sách tham khảo

17	Giáo Trình Kế Toán Mỹ	VN, 2012	3	Sách tham khảo
18	Giáo trình kinh tế xây dựng	VN, 2012	3	Sách tham khảo
19	Giáo trình kỹ thuật kinh doanh thương mại quốc tế	VN, 2014	12	Sách tham khảo
20	Giáo trình luật kinh tế	VN, 2012	1	Sách tham khảo
21	Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	VN, 2014	3	Sách tham khảo
22	Giáo Trình Lý Thuyết Tài Chính - Tiền Tệ (Phần 2 - TB lần 3)	VN, 2012	3	Sách tham khảo
23	Giáo trình marketing du lịch	VN, 2014	1	Sách tham khảo
24	Giáo trình Marketing ngân hàng	VN, 2012	2	Sách tham khảo
25	Giáo Trình Marketing Ngân Hàng	VN, 2012	5	Sách tham khảo
26	Giáo trình nguyên lý thống kê	VN, 2012	5	Sách tham khảo
27	Giáo trình nhập môn khu vực học và Việt Nam học	VN, 2013	1	Sách tham khảo
28	Giáo trình phân tích chuỗi giá trị sản phẩm (ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp)	VN, 2016	2	Sách tham khảo
29	Giáo trình quản trị nhân lực	VN, 2014	1	Sách tham khảo
30	Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	VN, 2014	1	Sách tham khảo
31	Giáo trình thương mại quốc tế	VN, 2015	1	Sách tham khảo
32	Giáo trình văn hóa du lịch	VN, 2014	2	Sách tham khảo
33	kế toán quản trị	VN, 2013	5	Sách tham khảo
34	Kinh tế học vi mô	VN, 2014	2	Sách tham khảo
35	kinh tế phát triển bài tập và bài giải	VN, 2012	5	Sách tham khảo
36	Kinh tế quốc tế (lý thuyết cơ bản và nâng cao, câu hỏi trắc nghiệm, tình huống kinh tế quốc tế, anh ngữ kinh tế quốc tế) = International economics	VN, 2012	1	Sách tham khảo

37	Kinh tế quốc tế: bài tập và đáp án = International economics: problems and solutions	VN, 2012	1	Sách tham khảo
38	Kinh tế vi mô	VN, 2015	1	Sách tham khảo
39	Kinh tế vĩ mô	VN, 2015	1	Sách tham khảo
40	Kỹ năng thuyết trình	VN, 2014	1	Sách tham khảo
41	Lập kế hoạch kinh doanh thắng lợi	VN, 2015	1	Sách tham khảo
42	Lợi thế cạnh tranh quốc gia = competitive advantage	VN, 2012	1	Sách tham khảo
43	Lợi thế cạnh tranh quốc gia = The competitive advantage of nations	VN, 2012	1	Sách tham khảo
44	Luật doanh nghiệp năm 2005	VN, 2012	5	Sách tham khảo
45	Marketing 3.0	VN, 2012	1	Sách tham khảo
46	Marketing dịch vụ công	VN, 2014	1	Sách tham khảo
47	Marketing du kích trong 30 ngày	VN, 2013	1	Sách tham khảo
48	Marketing hiện đại (lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam)	VN, 2015	1	Sách tham khảo
49	Mô hình tài chính cơ bản	VN, 2013	5	Sách tham khảo
50	Mô Hình Tài Chính Cơ Bản	VN, 2013	5	Sách tham khảo
51	Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thời kỳ hậu khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu	VN, 2013	3	Sách tham khảo
52	Nâng cao lợi thế cạnh tranh	VN, 2012	5	Sách tham khảo
53	Nguyên Lý Thống Kê	VN, 2012	5	Sách tham khảo
54	Những nguyên lý và mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu (part II) = Modern corporate governance principles and models after global economic crisis	VN, 2014	1	Sách tham khảo
55	Những quy tắc trong quản lý	VN, 2012	1	Sách tham khảo

56	Những vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản đương đại	VN, 2014	3	Sách tham khảo
57	Phân tích hoạt động kinh doanh	VN, 2013	4	Sách tham khảo
58	Phân Tích Tài Chính Doanh Nghiệp (Tái bản lần 2)	VN, 2013	2	Sách tham khảo
59	Phân tích thị trường tài chính = Financial market analysis	VN, 2012	1	Sách tham khảo
60	Phát hiện nhân tài và sử dụng nhân tài	VN, 2015	1	Sách tham khảo
61	Phát triển công nghiệp nhẹ tại Việt Nam: tạo việc làm và thịnh vượng trong một nền kinh tế thu nhập trung bình	VN, 2013	1	Sách tham khảo
62	Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển	VN, 2012	3	Sách tham khảo
63	Phương tiện giao tiếp trong hoạt động quản lý	VN, 2014	1	Sách tham khảo
64	Quản lý dự án công nghiệp theo hình thức tổng thầu EPC quốc tế	VN, 2012	2	Sách tham khảo
65	quản lý rủi ro trong doanh nghiệp xây dựng	VN, 2015	1	Sách tham khảo
66	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng (resort) - lí luận và thực tiễn	VN, 2012	5	Sách tham khảo
67	Quản trị Marketing	VN, 2012	5	Sách tham khảo
68	Quản trị ngân hàng thương mại hiện đại	VN, 2012	1	Sách tham khảo
69	Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn	VN, 2014	1	Sách tham khảo
70	Quản Trị Rủi Ro Ngân Hàng Trong Nền Kinh Tế Toàn Cầu	VN, 2013	2	Sách tham khảo
71	Quản trị tài chính doanh nghiệp	VN, 2012	2	Sách tham khảo
72	Quản trị thương hiệu	VN, 2014	1	Sách tham khảo
73	Tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam	VN, 2015	1	Sách tham khảo
74	Tài Chính Doanh Nghiệp	VN, 2014	3	Sách tham khảo
75	Tâm lý học quản trị kinh doanh	VN, 2012	1	Sách tham khảo

76	Thị Trường Tài Chính (Tái bản)	VN, 2012	2	Sách tham khảo
77	Thung lũng silicon và những bí mật marketing	VN, 2013	1	Sách tham khảo
78	Thương hiệu với nhà quản lý	VN, 2012	1	Sách tham khảo
79	Thương mại điện tử	VN, 2012	3	Sách tham khảo
80	Thương mại điện tử	VN, 2015	1	Sách tham khảo
81	Toán Tài Chính (Tái bản lần 3)	VN, 2012	5	Sách tham khảo
82	Tư duy chiến lược (lý thuyết trò chơi thực hành)	VN, 2015	1	Sách tham khảo
83	Văn bản pháp luật dành cho học phần luật kinh tế	VN, 2012	1	Sách tham khảo
84	Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh	VN, 2013	1	Sách tham khảo
85	Xây dựng câu lạc bộ sinh kế cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo	VN, 2014	1	Sách tham khảo

## 12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

## 13. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (PHỤ LỤC)

Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung về mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá, các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của cơ sở đào tạo.

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo**  
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo  
(Ký tên, đóng dấu)



*PGS.TS. Lương Minh Lữ*